TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày 30/7/2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Xuân Quyến.
2. Bà Triệu Thị Hai.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu 2, xã Sơn Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Vũ Thị M,** sinh năm 1967.

Địa chỉ: Xóm Quyết Tiến, xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Do mối quan hệ quen biết làm ăn, ngày 2/4 (âm lịch) năm 2013 chị L có cho chị M vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), khi vay chị M không có thế chấp, cầm cố tài sản gì, hai bên làm giấy tờ, chị M có ký nhận đầy đủ, giấy vay tiền không thể hiện ngày trả và lãi suất, hai bên chỉ nói miệng với nhau khi nào chị L cần thì sẽ báo trước một thời gian để chị M thu xếp trả. Từ khi vay đến nay chị M có nhiều lần trả số tiền gốc cho chị L, tuy nhiên khi trả nợ hai bên không làm giấy tờ, biên bản gì về việc trả nợ, vì vậy chị L không nhớ chính xác chị

M đã trả số tiền gốc vào thời gian nào, cụ thể số tiền từng lần trả, nhưng chị L khẳng định tổng số tiền gốc chị M đã trả được cho chị L là 26.000.000đ (Hai sáu triệu đồng). Nay chị M còn nợ chị số tiền gốc là 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng). Gia đình chị L có việc cần dùng đến tiền nên chị đã đến nhà chị M hỏi rất nhiều lần nhưng chị M khất nợ, có hứa hẹn nhưng không trả, nhiều lần gọi điện nhưng chị M không nghe máy, tránh mặt.

Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị M phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ lại là 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng), trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị L không yêu cầu chị M phải trả lãi đối với số tiền còn nợ 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Vũ Thị M trình bày:

Do mối quan hệ quen biết làm ăn, chị M thừa nhận vào ngày 2/4 (âm lịch) năm 2013 chị M có vay của chị L số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), khi vay hai bên làm giấy tờ, chị M có ký nhận đầy đủ, giấy vay tiền không thể hiện ngày trả và lãi suất, hai bên chỉ nói miệng với nhau khi nào chị L cần tiền thì sẽ báo trước chị một thời gian để chị M thu xếp trả. Khi vay tiền chị M không có thế chấp hoặc cho chị L cầm cố tài sản gì. Từ khi vay đến nay chị M đã trả được nhiều lần số tiền gốc cho chị L, cụ thể từng lần trả và số tiền chị M không nhớ vì khi trả hai bên không làm giấy tờ, biên nhận gì. Tuy nhiên chị M khẳng định tổng số tiền chị M đã trả được cho chị L là 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) hiện còn nợ chị L số tiền 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M phải trả số tiền còn nợ lại là 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng) và trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Quan điểm của chị nhất trí trả số tiền nợ trên, tuy nhiên vì điều kiện hoàn cảnh gia đình chị khó khăn, chị xin được trả dần có bao nhiêu chị trả bấy nhiêu, trả đến khi hết số nợ trên. Về khoản tiền lãi chị L không yêu cầu chị M cũng không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luật tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện đòi chị Vũ Thị M phải trả số tiền còn nợ là 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng). Các đương sự tranh chấp với nhau về việc vay tài sản, xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn chị Vũ Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Quyết Tiến, xã Cự Đồng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết là phù

hợp với khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Do vụ án không thực hiện thu thập tài liệu, chứng cứ nên căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa xét xử không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L thấy rằng: Chị L cung cấp tài liệu chứng cứ gồm 01 giấy đề ngày 2/4 âm lịch 2013 (bản gốc), thể hiện việc chị Vũ Thị M có thực hiện giao dịch vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đây là hợp đồng vay tài sản (tiền) không có thời hạn và không có lãi suất.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc vay nợ giữa chị L với chị M là có thật, thể hiện ở nội dung giấy vay tiền bản gốc chị L đã nộp cho Tòa án, theo đó chị L là người cho vay tiền, chị M là người vay tiền, tại giấy vay tiền chị M có ký nhận. Chị M thừa nhận việc có vay chị L số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), hai bên làm giấy tờ, chị M có ký nhận đầy đủ, giấy vay tiền không thể hiện ngày trả và lãi suất, hai bên chỉ nói miệng với nhau khi nào chị L cần thì sẽ báo trước một thời gian để chị M trả. Từ khi vay đến nay chị M đã trả được nhiều lần số tiền gốc cho chị L, cụ thể từng lần trả và số tiền chị M không nhớ vì khi trả hai bên không làm giấy tờ, biên nhận gì, nhưng tổng số tiền gốc chị M đã trả được cho chị L là 26.000.000đ (hai sáu triệu đồng). Nay chị M khẳng định còn nợ chị L số tiền 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng). Quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, chị M thừa nhận chữ ký của chị tại tờ giấy đề ngày 2/4 âm lịch 2013 mà chị L đã cung cấp cho Tòa án là chữ ký của chị. Việc chị L và chị M thực hiện giao dịch hợp đồng vay tài sản đều hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị ai ép buộc, hai bên đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, tuy nhiên chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, không thực hiện đúng theo như hợp đồng vay tài sản đã ký kết. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ cần được chấp nhận, từ đó cần buộc chị M phải có trách nhiệm trả cho chị L toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng) là có căn cứ theo quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với quan điểm của chị M không đồng ý trả số tiền gốc còn nợ 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng) làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, với lý do điều kiện hoàn cảnh gia đình chị khó khăn, chị xin được trả dần, có bao nhiêu chị trả bấy nhiêu, trả đến khi hết số nợ trên. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị L cho chị M vay tiền từ năm 2013 đến nay là 7 năm, thời gian đã rất lâu, mặc dù chị L có tạo điều kiện để chị M trả dần nhưng chị M vẫn không trả đầy đủ, chị L có đến gia đình hỏi thì chị M trốn tránh, có ý định kéo dài

thời gian trả nợ, chưa muốn trả. Vì vậy quan điểm của chị M là không có căn cứ và yêu cầu của chị M xin được trả dần số nợ trên cho chị L không được Tòa án chấp nhận.

Về lãi suất: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu chị Vũ Thị M phải trả lãi đối với số nợ 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng), vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của chị L được chấp nhận nên chị không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự chị L đã nộp. Buộc chị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 470; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với chị Vũ Thị M.

Buộc chị Vũ Thị M phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L toàn bộ số tiền còn nợ là 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Vũ Thị M phải nộp số tiền 6.200.000đ (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền 3.100.000đ (Ba triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002139 ngày 02/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Cự Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Cẩm Vân